

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2022
*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đính
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ksor Thí

2. Ông Nguyễn Như Quang

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa:* Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia
Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2022/TLST-DS
ngày 30 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa
các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T; Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 đường Đoàn Văn
B, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng T; Địa chỉ: Số 89 Hồ
Phi T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị T; địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng
mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty T (Công ty) có cho bà Mai Thị T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng
số 20181017-0000053 ngày 13-10-2018, số tiền vay là 43.000.000 đồng, mục đích
vay tiêu dùng, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 3,92%/tháng.
Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mai Thị T đã trả cho Công ty 13 lần, được
số tiền nợ gốc và nợ lãi là 39.348.000 đồng. Từ ngày 08-12-2019 đến nay, bà Mai
Thị T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay theo hợp đồng
đã thỏa thuận. Do vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu buộc bà Mai Thị T phải có nghĩa

vụ thanh toán cho Công ty số tiền còn nợ là 26.310.148 đồng, trong đó nợ gốc là 21.788.809 đồng và tiền nợ lãi là 4.521.339 đồng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đề triệu tập bị đơn là bà Mai Thị T đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà Mai Thị T cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà Mai Thị T

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy ủy quyền ngày 28-02-2022; 01 Bản sao Văn bản ủy quyền ngày 06-12-2021; 01 Bảng kế hoạch trả nợ; 01 Bản sao Căn cước công dân số 080189002590; 01 Bản sao Căn cước công dân số 064087005604; 01 Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 Bản sao Giấy xác nhận nhân sự; 01 Bản sao Phân phê duyệt của VPB FC ngày 16-10-2018; 01 Bản sao đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng; 01 Bản sao Giấy chứng minh nhân dân số 231256961; 01 Bản sao Sổ hộ khẩu số 210066700; 01 Bản sao Điều lệ Công ty T SMBC; 01 biên bản xác minh ngày 05-4-2022 của Tòa án.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Công ty tài chính có hoạt động tín dụng, có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng tín dụng và pháp luật áp dụng là Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 20181017-0000053 ngày 13-10-2018, thể hiện bà Mai Thị T có vay của Công ty T số tiền là 43.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 3,92%/tháng. Hợp đồng tín dụng nói trên giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực,

các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mai Thị T đã trả cho Công ty 13 lần, được số tiền nợ gốc và nợ lãi là 39.348.000 đồng. Từ ngày 08-12-2019 đến nay, bà Mai Thị T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay theo hợp đồng đã thỏa thuận.

Như vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu buộc bà Mai Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền còn nợ là 26.310.148 đồng, trong đó nợ gốc là 21.788.809 đồng và tiền nợ lãi là 4.521.339 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 91, Điều 95, Điều 108 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 108 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.
2. Buộc bà Mai Thị T phải trả cho Công ty T số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 20181017-0000053 ngày 13-10-2018 là 26.310.148 đồng (hai mươi sáu triệu ba trăm mười nghìn một trăm bốn mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 21.788.809 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm không chín đồng) và tiền nợ lãi là 4.521.339 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi một nghìn ba trăm ba mươi chín đồng).
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.
4. Về án phí: Buộc bà Mai Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.052.406 đồng (một triệu không trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm không sáu đồng). Hoàn trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 657.754 đồng (sáu trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng)

theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008511 ngày 29-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính